



fēng zhí

峰值

noun · peak value

Example Sentences

Yòng diàn liàng zài xià tiān dá dào fēng zhí
用电量在夏天达到峰值。

Electricity usage reaches its peak in summer.

Zhè ge xìn hào de fēng zhí hěn gāo
这个信号的峰值很高。

The peak value of this signal is very high.

Gōng chéng shī xū yào jì suàn yā lì de fēng zhí
工程师需要计算压力的峰值。

Engineers need to calculate the peak pressure.

Trace each character, then write the word on your own.

峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰	峰
峰	峰									

值	值	值	值	值	值	值	值	值	值	值
值	值									